BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 249 /QĐ-BTTTT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông; Nghị định số 50/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 187/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Chủ tịch Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm:

Xây dựng, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam khi Điều lệ mẫu của Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được ban hành theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan trực thuộc Bộ theo chức trách, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn Tổng công ty Bưu điện Việt Nam triển khai thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bưu chính, Pháp chế, Hợp tác quốc tế; Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Tổng công ty BĐVN;
- Lưu: VT, TCCB (5b).

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Bắc Son

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 249 /QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tổng công ty Bưu điện Việt Nam" (sau đây, trong Điều lệ này gọi tắt là Bưu điện Việt Nam) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; là doanh nghiệp về bưu chính được Nhà nước thành lập và chỉ định thực hiện nhiệm vụ duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng; cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo nhiệm vụ, kế hoạch mà Nhà nước giao; cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về bưu chính mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

2. "Đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam" là chi nhánh của Bưu điện Việt Nam, bao gồm: các Bưu điện tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các công ty hạch toán phụ thuộc, các đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của Bưu điện Việt Nam.

3. "Đơn vị trực thuộc đơn vị hạch toán phụ thuộc" là các đơn vị trực thuộc đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam có con dấu, tài khoản, được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

4. "Công ty con của Bưu điện Việt Nam" là công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được thành lập theo quy định của pháp luật.

5. "Công ty liên kết của Bưu điện Việt Nam" là công ty mà Bưu điện Việt Nam nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Bưu điện Việt Nam theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết giữa công ty với Bưu điện Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật.

6. "Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Bưu điện Việt Nam" là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam nhưng tự nguyện liên kết với Bưu điện Việt Nam dưới các hình thức theo quy định của pháp luật, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Bưu điện Việt Nam theo thoả thuận trong hợp đồng liên kết giữa công ty đó với Bưu điện Việt Nam.

7. "Doanh nghiệp thành viên" là các doanh nghiệp do Bưu điện Việt Nam, công ty con của Bưu điện Việt Nam trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, giữ quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

8. "Tổ hợp công ty mẹ - công ty con" là nhóm các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ là Bưu điện Việt Nam và các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết. Tổ hợp công ty mẹ - công ty con không có tư cách pháp nhân.

9. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối" là cổ phần hoặc phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam chiếm trên 50% vốn điều lệ của công ty con.

10. "Quyền chi phối" là quyền của Bưu điện Việt Nam đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

a) Quyền của Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp.

b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp.

c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp.

d) Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp.

đ) Quyền quyết định về: chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, mục tiêu kinh doanh, thị trường, khách hàng, lựa chọn công nghệ.

e) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Bưu điện Việt Nam và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

11. "Mạng bưu chính công cộng" là mạng bưu chính do Nhà nước đầu tư và giao cho Bưu điện Việt Nam quản lý, khai thác.

12. "Dịch vụ bưu chính công ích" là dịch vụ bưu chính được cung ứng theo yêu cầu của Nhà nước, gồm dịch vụ bưu chính phổ cập, dịch vụ bưu chính phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ đặc thù khác.

13. "Dịch vụ bưu chính dành riêng" là dịch vụ thư có địa chỉ nhận, do Nhà nước giao cho Bưu điện Việt Nam cung cấp với mức khối lượng và giá cước do Nhà nước quy định.

14. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật bưu chính và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ "pháp luật" được hiểu là pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Tên và trụ sở chính của Bưu điện Việt Nam

1. Tên gọi: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

2. Tên gọi tắt bằng tiếng Việt Nam: BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

3. Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM POST; tên viết tắt: VNPost

4. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

5. Trụ sở chính đặt tại: Số 05, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-37689346 Fax: 84-4-37689433

E-mail: vanphong@vnpost.vn

Website: http://www.vnpost.vn

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của Bưu điện Việt Nam

1. Bưu điện Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ; hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Bưu điện Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Bưu điện Việt Nam có quyền sở hữu đối với tên gọi, biểu tượng và thương hiệu của Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Bưu điện Việt Nam chịu trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trước đây.

Điều 4. Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Bưu điện Việt Nam:

a) Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được Nhà nước đầu tư cho Bưu điện Việt Nam.

b) Hoàn thành nghĩa vụ cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và nhiệm vụ công ích khác do Nhà nước giao đúng đối tượng, giá cước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

c) Tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2. Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Bưu điện Việt Nam:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Cung cấp các dịch vụ công ích khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí trong và ngoài nước.

- Tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực bưu chính mà Việt Nam ký kết, gia nhập theo quy định của pháp luật.

- Đại lý dịch vụ viễn thông, bán lại dịch vụ viễn thông.

- Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo, dạy nghề và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính.

b) Ngành, nghề liên quan:

- Kinh doanh các dịch vụ tài chính bán lẻ và tài chính bưu chính trên mạng bưu chính, các dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng.

- Kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông - công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

- Kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá theo quy định của pháp luật.

- Kinh doanh các dịch vụ Logistics.

- Mua, bán, sửa chữa xe và vật tư, thiết bị xe, máy.

- Mua, bán, đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hoá và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng và các loại hàng hoá dịch vụ khác.

- Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.

- In, sao bản ghi các loại; xuất bản; kinh doanh, xuất nhập khẩu báo chí và xuất bản phẩm.

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch, quảng cáo.

- Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu thị trường; xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình, hạng mục công trình trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

- Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam

1. Vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam là: 8.122.000.000.000 đồng (tám ngàn một trăm hai mươi hai tỷ đồng).

2. Khi tăng vốn điều lệ, Bưu điện Việt Nam đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chủ sở hữu của Bưu điện Việt Nam

Nhà nước là Chủ sở hữu Bưu điện Việt Nam. Chính phủ phân công cho Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Bưu điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là đại diện chủ sở hữu).

Điều 7. Người Đại diện theo pháp luật của Bưu điện Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của Bưu điện Việt Nam là Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

Điều 8. Quản lý nhà nước đối với Bưu điện Việt Nam

Bưu điện Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong Bưu điện Việt Nam

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Bưu điện Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Bưu điện Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Bưu điện Việt Nam tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội làm việc tại Bưu điện Việt Nam thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Mục 1
QUYỀN CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 10. Quyền đối với vốn và tài sản

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Bưu điện Việt Nam để kinh doanh, đầu tư, thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp từ tài sản của Bưu điện Việt Nam.

2. Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao hoặc cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên.

3. Nhà nước không điều chuyển vốn do Nhà nước đầu tư tại Bưu điện Việt Nam và vốn, tài sản của Bưu điện Việt Nam theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Bưu điện Việt Nam hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 11. Quyền kinh doanh và tổ chức kinh doanh

1. Chủ động tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác kinh doanh; quyết định các cơ chế nội bộ Bưu điện Việt Nam.

2. Kinh doanh ngành, nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm; quyết định mở rộng quy mô, ngành nghề kinh doanh theo khả năng và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước phù hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tham gia cung ứng các dịch vụ công của Nhà nước như: chi trả bảo hiểm xã hội, các dịch vụ chuyển phát, ... ; tham gia các chương trình thông tin và truyền thông của Nhà nước về nông thôn để phát huy hiệu quả cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính công cộng do Nhà nước đầu tư.

5. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định giá.

6. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định tại Điều lệ này.

7. Quyết định sử dụng vốn, tài sản của Bưu điện Việt Nam để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác trong nước và nước ngoài; đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; quyết định nắm giữ, tăng, giảm vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Bưu điện Việt Nam; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt chủ trương.

9. Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động.

10. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Bưu điện Việt Nam; các quy chế về hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công ích không trái với các quy định của pháp luật và nội dung của Điều lệ này.

11. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

12. Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật; quyết định thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, nâng ngạch, chuyển ngạch lương, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Bưu điện Việt Nam, phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Sử dụng mạng bưu chính công cộng và các nguồn lực được giao để kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, nhưng không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các nhiệm vụ công ích.

14. Sử dụng phương tiện vận tải chuyên ngành và phương tiện vận tải xã hội để vận chuyển bưu gửi. Phương tiện vận tải chuyên ngành của Bưu điện Việt Nam được sơn mầu thống nhất, có tên hoặc biểu trưng của Bưu điện Việt Nam, được quyền ưu tiên khi qua phà, cầu phao và ưu tiên đi, đến, đỗ trong các đô thị, khu tập trung dân cư, khu vực bảo vệ theo quy định ưu tiên của của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương.

15. Tham gia hoạt động trong các tổ chức quốc tế về bưu chính theo quy định của pháp luật; cung ứng các dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch khác trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về bưu chính mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đàm phán kinh doanh, giao dịch, hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước; quyết định cử đại diện của Bưu điện Việt Nam, cán bộ công nhân viên của Bưu điện Việt Nam ra nước ngoài làm việc, công tác, học tập, tham quan, khảo sát.

16. Có các quyền kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền về tài chính

1. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Bưu điện Việt Nam; được lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Bưu điện Việt Nam; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Bưu điện Việt Nam.

Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay nợ nước ngoài.

3. Hưởng chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư để phát triển, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

4. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ bưu chính công ích, nhiệm vụ công ích khác, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước nhưng không bù đắp đủ chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này.

5. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do pháp luật quy định.

6. Ban hành các quy chế, quy định, văn bản quản lý tài chính nội bộ của Bưu điện Việt Nam không trái với các quy định của pháp luật.

7. Bưu điện Việt Nam có quyền từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

8. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia theo quy chế quản lý tài chính của Bưu điện Việt Nam và quy định của pháp luật.

9. Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền tham gia hoạt động công ích

1. Được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ công ích về bưu chính và các nhiệm vụ công ích khác.

2. Tham gia đấu thầu thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

3. Giao hoặc đặt hàng lại toàn bộ hoặc một phần nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng cho các doanh nghiệp thành viên thực hiện nhưng vẫn phải đảm bảo việc thực hiện theo kế hoạch nhiệm vụ công ích được giao.

4. Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch, Bưu điện Việt Nam được Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ về cơ chế chính sách và kinh phí thực hiện đảm bảo bù đắp chi phí và lợi ích khác của Bưu điện Việt Nam.

5. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

Điều 14. Quyền của Bưu điện Việt Nam đối với doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết

1. Bưu điện Việt Nam chi phối các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết thông qua vốn, nghiệp vụ, dịch vụ, công nghệ, thị trường và thương hiệu theo Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết hoặc thoả thuận giữa Bưu điện Việt Nam với doanh nghiệp đó.

2. Định hướng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết phù hợp với chiến lược kinh doanh của Bưu điện Việt Nam, điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết.

3. Giao hoặc đặt hàng lại cho doanh nghiệp thành viên thực hiện một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ công ích mà Nhà nước giao hoặc đặt hàng cho Bưu điện Việt Nam trên cơ sở đảm bảo việc thực hiện theo kế hoạch, nhiệm vụ công ích được giao.

4. Bưu điện Việt Nam có quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án thuộc ngành, nghề kinh doanh của công ty con Bưu điện Việt Nam và các công ty con khác trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu công ty con dừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, truyền thông, …, có ảnh hưởng tiêu cực tới quyền lợi, uy tín, hình ảnh của Bưu điện Việt Nam.

Mục 2

NGHĨA VỤ CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 15. Nghĩa vụ về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư và vốn Bưu điện Việt Nam tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Bưu điện Việt Nam trong phạm vi số tài sản của Bưu điện Việt Nam. Thực hiện chế độ quản lý và sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận và các chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước.

2. Định kỳ đánh giá lại tài sản của Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ trong kinh doanh

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động, quyền tham gia quản lý Bưu điện Việt Nam của người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của đại diện chủ sở hữu. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

6. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Bưu điện Việt Nam trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Chịu sự giám sát, kiểm tra của đại diện chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Bưu điện Việt Nam.

10. Quản lý và khai thác mạng bưu chính công cộng theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, chính quyền có liên quan, bảo vệ an toàn mạng bưu chính công cộng và an ninh thông tin; bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, ngoại giao và các yêu cầu thông tin liên lạc khẩn cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm phù hợp với nhiệm vụ Nhà nước giao và nhu cầu của thị trường.

12. Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghĩa vụ về tài chính

1. Quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

2. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu.

3. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Bưu điện Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Bưu điện Việt Nam.

5. Hạch toán các hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích

1. Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

2. Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ bưu chính công ích và các dịch vụ công ích khác do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc trúng thầu theo đúng phạm vi, đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định.

3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Bưu điện Việt Nam; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Bưu điện Việt Nam trực tiếp thực hiện và cung ứng.

4. Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bưu điện Việt Nam đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết

1. Bưu điện Việt Nam có nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết như sau:

a) Định hướng chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên theo chiến lược kinh doanh của Bưu điện Việt Nam phù hợp với Điều lệ của doanh nghiệp thành viên.

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng lưới bưu chính.

c) Chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết trong việc tìm kiếm, cung cấp đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc làm giảm hiệu quả kinh doanh chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

d) Chủ trì xây dựng, thông qua và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết trên cơ sở phát huy các lợi thế sẵn có, tạo ra sức mạnh tổng hợp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tránh hoặc hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp, phân tán.

đ) Chủ trì tổ chức các hoạt động: nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo; tiếp thị, xúc tiến thương mại; hợp tác quốc tế và một số dịch vụ khác nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

e) Bưu điện Việt Nam không lạm dụng quyền chi phối đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết làm tổn hại đến lợi ích của các doanh nghiệp này, của chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết mà gây thiệt hại cho các doanh nghiệp này và các bên có liên quan thì Bưu điện Việt Nam chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp đó và các bên liên quan:

a) Buộc các doanh nghiệp thành viên phải ký kết và thực hiện các hợp đồng không bình đẳng và bất lợi đối với các doanh nghiệp này.

b) Điều chuyển vốn, tài sản của các công ty do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi (do doanh nghiệp thành viên tự gây dựng) từ doanh nghiệp thành viên này sang doanh nghiệp thành viên khác dẫn đến doanh nghiệp bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị sụt giảm nghiêm trọng.

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với các doanh nghiệp thành viên trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp này và pháp luật; giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thành viên thực hiện không dựa trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh và hợp đồng kinh tế.

đ) Buộc các doanh nghiệp thành viên cho Bưu điện Việt Nam hoặc cho công ty khác vay vốn với lãi suất thấp, điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Bưu điện Việt Nam hoặc doanh nghiệp thành viên khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Bưu điện Việt Nam và các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng liên doanh, liên kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 20. Quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh đối với Bưu điện Việt Nam sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Bưu điện Việt Nam.

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Bưu điện Việt Nam.

3. Tổ chức thực hiện sắp xếp, đổi mới Bưu điện Việt Nam sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể.

4. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Bưu điện Việt Nam sau khi có sự thỏa thuận với Bộ Tài chính.

5. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

6. Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Bưu điện Việt Nam tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

7. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của Bưu điện Việt Nam và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

8. Chấp thuận để Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Bưu điện Việt Nam.

9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Bưu điện Việt Nam, trả lương cho Kiểm soát viên Bưu điện Việt Nam.

10. Quyết định lương của Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam. Quyết định quỹ lương hàng năm của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

11. Phê duyệt kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế của Bưu điện Việt Nam. Quyết định việc ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng của Chủ tịch, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Bưu điện Việt Nam.

12. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch của Bưu điện Việt Nam.

13. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

14. Đánh giá đối với Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam trong việc quản lý, điều hành Bưu điện Việt Nam.

15. Đình chỉ hoặc yêu cầu tạm dừng để xem xét lại các quyết định của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam khi xét thấy các quyết định đó ảnh hưởng đến lợi ích của Bưu điện Việt Nam.

16. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Bưu điện Việt Nam sau khi Bưu điện Việt Nam hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

17. Thực hiện các quyền khác của đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hạn chế đối với quyền của đại diện chủ sở hữu

1. Đại diện chủ sở hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Bưu điện Việt Nam dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bưu điện Việt Nam.

2. Đại diện chủ sở hữu không được rút lợi nhuận khi Bưu điện Việt Nam không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 22. Nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Bưu điện Việt Nam.

2. Tuân thủ Điều lệ Bưu điện Việt Nam.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bưu điện Việt Nam trong phạm vi số vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam; xác định và tách biệt tài sản của đại diện chủ sở hữu Bưu điện Việt Nam và tài sản của Bưu điện Việt Nam.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thuê và cho thuê của Bưu điện Việt Nam theo thẩm quyền.

5. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Bưu điện Việt Nam; không can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý của Bưu điện Việt Nam

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Bưu điện Việt Nam gồm:

a) Chủ tịch

b) Kiểm soát viên

c) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

d) Bộ máy giúp việc, Ban kiểm soát nội bộ

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Bưu điện Việt Nam có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1

CHỦ TỊCH VÀ KIỂM SOÁT VIÊN CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 24. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam

1. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Bưu điện Việt Nam, do Bộ Thông tin và Truyền thông bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam hoạt động chuyên trách, không kiêm Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam nhân danh đại diện chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu đối với Bưu điện Việt Nam; có quyền nhân danh Bưu điện Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bưu điện Việt Nam; chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 25. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do đại diện chủ sở hữu đầu tư, giao cho Bưu điện Việt Nam.

2. Đề nghị đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam; điều chỉnh vốn điều lệ; phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Bưu điện Việt Nam; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Bưu điện Việt Nam.

3. Thực hiện sắp xếp, đổi mới Bưu điện Việt Nam sau khi đề nghị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tổng thể.

4. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Bưu điện Việt Nam sau khi đề nghị và được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

5. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Bưu điện Việt Nam và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, giám sát.

6. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Bưu điện Việt Nam.

7. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết; các hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 20 Điều lệ này sau khi đề nghị và được đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

8. Quyết định hoặc phân cấp ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư nhóm A, B khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch

đầu tư phát triển 5 năm và phê duyệt danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm; các dự án đầu tư khác dưới nhóm B trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

10. Cử Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam để quyết định các vấn đề tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Bưu điện Việt Nam.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi đề nghị và được đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

12. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt chủ trương.

13. Quyết định phê duyệt phương án tổ chức bộ máy giúp việc của Bưu điện Việt Nam.

14. Quyết định ban hành Quy chế tài chính của Bưu điện Việt Nam sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông.

15. Quyết định ban hành các quy trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật, thang lương, bảng lương, đơn giá tiền lương, nâng ngạch, chuyển ngạch lương, chế độ trả lương đối với người lao động áp dụng trong Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật.

16. Phê duyệt quy hoạch cán bộ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật của Bưu điện Việt Nam.

17. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật; quyết định lương các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng, Trưởng các ban chuyên môn nghiệp vụ, Giám đốc Ban quản lý dự án Bưu điện Việt Nam, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng, Phó ban Kiểm soát nội bộ Bưu điện Việt Nam.

18. Cho ý kiến chấp thuận bằng văn bản để Tổng giám đốc bổ nhiệm Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam.

19. Quy định các quy chế quản lý nội bộ của Bưu điện Việt Nam. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

20. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam, Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

21. Đình chỉ hoặc yêu cầu tạm dừng để xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc khi xét thấy các quyết định đó ảnh hưởng đến lợi ích của Bưu điện Việt Nam.

22. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với các công ty do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ; Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam được quy định tại các Điều 43, 44, 45 và 47 Điều lệ này.

23. Chịu trách nhiệm quản lý doanh nghiệp, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của đại diện chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho đại diện chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

Điều 26. Chế độ làm việc của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam

1. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam tổ chức họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình với Tổng giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành Bưu điện Việt Nam, thành phần dự họp do Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định mời. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có thể triệu tập họp bất thường với Tổng giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành Bưu điện Việt Nam khi cần xem xét và quyết định các vấn đề cần giải quyết ngay.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm chuẩn bị nội dung cuộc họp về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình và những vấn đề khác mà đại diện chủ sở hữu yêu cầu.

3. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình nghị sự. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia kết luận. Các ý kiến phát biểu (nếu có) của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản cuộc họp.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phải được ghi thành biên bản. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp. Quyết định, kết luận của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có tính bắt buộc thi hành đối với Bưu điện Việt Nam.

5. Chi phí hoạt động của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, kể cả tiền lương, tiền công và thù lao được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Bưu điện Việt Nam.

6. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Bưu điện Việt Nam được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn theo quy định của pháp luật và của Bưu điện Việt Nam.

Điều 27. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc các ngành, nghề có liên quan của Bưu điện Việt Nam.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch Bưu điện Việt Nam

1. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Bưu điện Việt Nam.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật.

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.

c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 29. Kiểm soát viên Bưu điện Việt Nam

1. Bưu Điện Việt Nam có từ một đến ba Kiểm soát viên do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định bổ nhiệm và trả lương với nhiệm kỳ không quá ba năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam trong việc tổ chức thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình đại diện chủ sở hữu báo cáo thẩm định này.

c) Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

d) Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Bưu điện Việt Nam tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Bưu điện Việt Nam. Chủ tịch, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Bưu điện Việt Nam có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Bưu điện Việt Nam theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

4. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật.

b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên.

c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Bưu điện Việt Nam hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ này.

Mục 2
TỔNG GIÁM ĐỐC BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 30. Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam

Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Bưu điện Việt Nam theo mục tiêu, kế hoạch và quyết định của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu, trước Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và pháp luật về việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 31. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc

1. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng hoặc ký tiếp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Người được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý điều hành Bưu điện Việt Nam; tốt nghiệp đại học trở lên; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không phải là người có liên quan của: Chủ tịch, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam.

4. Những đối tượng sau đây không được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng làm Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam:

a) Người đã làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty 100% vốn nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc làm cho công ty 100% vốn nhà nước bị thua lỗ 02 năm liên tiếp.

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Bưu điện Việt Nam lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, do Bộ Thông tin và Truyền thông giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư trong giai đoạn chuyển đổi do việc đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

b) Bưu điện Việt Nam lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ tịch Bưu điện Việt Nam giao.

d) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Bưu điện Việt Nam.

đ) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau đây:

a) Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật.

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.

c) Bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự; thỏa thuận hợp tác với các đối tác của Bưu điện Việt Nam theo uỷ quyền của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

2. Tổ chức xây dựng trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam để Chủ tịch Bưu điện Việt Nam trình Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định, phê duyệt hoặc thông qua các nội dung tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 20 Điều lệ này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại diện chủ sở hữu đối với Bưu điện Việt Nam.

3. Tổ chức xây dựng trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định hoặc phê duyệt các nội dung tại Điều 25 Điều lệ này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam được quy định tại Điều lệ này.

4. Điều hành hoạt động của Bưu điện Việt Nam, thực hiện có hiệu quả các quyết định của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và đại diện chủ sở hữu; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động khác đảm bảo thực hiện mục tiêu hoạt động của Bưu điện Việt Nam được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ này và các quy định của pháp luật, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

5. Quyết định các phương án huy động vốn; các dự án đầu tư vốn ra bên ngoài; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác; các hợp đồng cho thuê tài sản; các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, những vật tư, hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển; xử lý tổn thất tài sản, nợ phải thu khó đòi của Bưu điện Việt Nam theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

6. Quyết định thành lập tổ chức lại, giải thể, sáp nhập Văn phòng, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Ban quản lý dự án, các đơn vị trực thuộc đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam theo phương án đã được Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phê duyệt.

7. Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Ban quản lý dự án.

8. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với:

a) Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

b) Phó Chánh văn phòng, Phó Trưởng ban chuyên môn nghiệp vụ, Phó giám đốc Ban quản lý dự án, Phó giám đốc, Kế toán trưởng đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam.

c) Các chức danh quản lý khác trong Bưu điện Việt Nam theo phân cấp của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

d) Người lao động làm việc tại khối Cơ quan của Bưu điện Việt Nam.

9. Đề nghị Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chuyên môn nghiệp vụ, Giám đốc Ban quản lý dự án Bưu điện Việt Nam, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ.

10. Đề nghị Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác.

11. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc.

12. Cử cán bộ, viên chức, người lao động của Bưu điện Việt Nam, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) công ty con 100% vốn của Bưu điện Việt Nam, Giám đốc, Phó giám đốc đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Bưu điện Việt Nam ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Bưu điện Việt Nam. Ủy quyền cho Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con 100% vốn của Bưu điện Việt Nam, Giám đốc đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Bưu điện Việt Nam cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của đơn vị ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng và tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với đơn vị.

13. Báo cáo Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích của Bưu điện Việt Nam; thực hiện việc công bố công khai báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

14. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ tịch, Kiểm soát viên Bưu điện Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

16. Đầu mối tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết.

17. Được áp dụng các biện pháp cần thiết, vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

18. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 3

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA CHỦ TỊCH VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 34. Quan hệ giữa Chủ tịch và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Bưu điện Việt Nam

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Bưu điện Việt Nam, không phù hợp với pháp luật, thực tiễn triển khai thì Tổng giám đốc báo cáo Chủ tịch Bưu điện Việt Nam xem xét, điều chỉnh lại quyết định. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Chủ tịch Bưu điện Việt Nam không điều chỉnh lại quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Kết thúc quý, năm, Tổng giám đốc phải báo cáo Chủ tịch Bưu điện Việt Nam bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động công ích của Bưu điện Việt Nam và phương hướng thực hiện kỳ tới.

3. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có quyền tham dự các cuộc họp liên quan đến chuẩn bị đề án trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam do Tổng giám đốc chủ trì để đóng góp ý kiến.

Điều 35. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam

1. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý Bưu điện Việt Nam tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của đại diện chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Bưu điện Việt Nam hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ Thông tin và Truyền thông và trước pháp luật về các quyết định của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, kết quả và hiệu quả hoạt động của Bưu điện Việt Nam.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, trước Bộ Thông tin và Truyền thông và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Bưu điện Việt Nam, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

4. Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các nhiệm vụ và quyền hạn được giao vì lợi ích của Bưu điện Việt Nam, của đại diện chủ sở hữu và của Nhà nước.

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Bưu điện Việt Nam để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Bưu điện Việt Nam cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Bưu điện Việt Nam trong thời gian đang thực hiện chức trách là Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam và trong thời gian tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam.

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ các chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ của Bưu điện Việt Nam; phải báo cáo đại diện chủ sở hữu về các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự của Bưu điện Việt Nam ký với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi nhưng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã ký thì bị coi là vô hiệu; Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam phải bồi thường thiệt hại cho Bưu điện Việt Nam và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Khi Bưu điện Việt Nam không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam phải báo cáo Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính cho tất cả các chủ nợ biết. Khi trường hợp này xảy ra, Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam không được quyết định tăng lương, không được trích lợi nhuận để trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động. Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ nếu không thực hiện quy định này.

đ) Trường hợp Chủ tịch, Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam vi phạm Điều lệ Bưu điện Việt Nam, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Bưu điện Việt Nam và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bưu điện Việt Nam.

5. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tuỳ theo mức độ vi phạm:

a) Để mất vốn nhà nước.

b) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ.

c) Không đảm bảo tiền lương và các chế độ khác cho người lao động trong Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động.

d) Để xảy ra các sai phạm nghiêm trọng về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

6. Trường hợp để Bưu điện Việt Nam lâm vào tình trạng quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 32 Điều lệ này thì tuỳ theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch

và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam bị hạ lương, cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bưu điện Việt Nam lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì Tổng giám đốc bị miễn nhiệm và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Chủ tịch Bưu điện Việt Nam không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Bưu điện Việt Nam bị miễn nhiệm.

8. Trường hợp Bưu điện Việt Nam thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch và Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam bị miễn nhiệm.

9. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 36. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Bưu điện Việt Nam có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Chủ tịch Bưu điện Việt Nam bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam.

2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Bưu điện Việt Nam theo phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc; thực hiện nhiệm vụ do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng thực hiện các quyền và chịu trách nhiệm theo quy định của luật Kế toán; có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê, thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính tại Bưu điện Việt Nam; tổ chức điều hành bộ máy kế toán, lập báo cáo tài chính của Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật; giúp Chủ tịch và Tổng giám đốc giám sát tài chính của Bưu điện Việt Nam; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Chủ tịch Bưu điện Việt Nam và trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc uỷ quyền.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 37. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng, các Ban chuyên môn nghiệp vụ (sau đây gọi chung là các Ban) và Ban kiểm soát nội bộ.

2. Các Ban có chức năng:

a) Tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch và Ban Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam trong quản lý, điều hành Bưu điện Việt Nam.

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp mà Bưu điện Việt Nam có cổ phần, vốn góp.

3. Ban kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định thành lập; Ban Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Bưu điện Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong Bưu điện Việt Nam; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành của Bưu điện Việt Nam.

Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Điều 38. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam

1. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định lương của Chủ tịch và Tổng Giám đốc Bưu điện Việt Nam.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam quyết định lương của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam.

3. Thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật và của Bưu điện Việt Nam.

Mục 5

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 39. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Bưu điện Việt Nam thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu công nhân, viên chức Bưu điện Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn của Bưu điện Việt Nam.

3. Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Nội dung tham gia quản lý Bưu điện Việt Nam của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Bưu điện Việt Nam.

2. Phương án cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu Bưu điện Việt Nam.

3. Các nội quy, quy chế của Bưu điện Việt Nam liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Bưu điện Việt Nam.

5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Bưu điện Việt Nam khi được cấp có thẩm quyền yêu cầu.

6. Thông qua đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu công nhân, viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc.

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Bưu điện Việt Nam có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước.

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của ban Thanh tra nhân dân.

d) Bầu ban Thanh tra nhân dân.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM VỚI CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Mục 1

QUAN HỆ GIỮA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM VỚI CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

Điều 41. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với các đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Bưu điện Việt Nam thống nhất quản lý và điều hành hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc về kinh doanh, tài chính, đầu tư, công nghệ, tổ chức và nhân sự.

2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam có con dấu riêng theo tên gọi, được mở tài khoản tại ngân hàng; thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán và nhân sự,... của Bưu điện Việt Nam theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục 01 Điều lệ này.

3. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam có quyền chủ động ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Bưu điện Việt Nam, Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị hoặc tại các văn bản khác liên quan. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Bưu điện Việt Nam chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Bưu điện Việt Nam. Bưu điện Việt Nam chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị này.

Điều 42. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với đơn vị sự nghiệp

1. Các đơn vị sự nghiệp do Bưu điện Việt Nam đầu tư thành lập, hạch toán và hoạt động theo quy định của Bưu điện Việt Nam và các quy định của pháp luật. Danh sách các đơn vị sự nghiệp của Bưu điện Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục 01 Điều lệ này.

2. Bưu điện Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và theo quy định của pháp luật.

Mục 2

QUAN HỆ GIỮA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY TỰ NGUYỆN LIÊN KẾT

Điều 43. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó. Danh sách các công ty do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục 02 Điều lệ này.

2. Bưu điện Việt Nam là Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với công ty này.

3. Quyền và nghĩa vụ của Bưu điện Việt Nam đối với công ty do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty.

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên công ty.

đ) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của công ty.

e) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty.

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty.

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của công ty theo Điều lệ công ty.

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty không trái với Điều lệ này.

4. Bưu điện Việt Nam thực hiện các quyền chi phối khác đối với công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, thông qua:

a) Định hướng và lựa chọn công nghệ, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển mạng lưới và dịch vụ.

b) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước.

c) Sử dụng thương hiệu chung của Bưu điện Việt Nam.

d) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích Nhà nước giao.

Điều 44. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với các công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, giữ quyền chi phối

1. Công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, giữ quyền chi phối (sau đây gọi là công ty bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

Danh sách các công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, giữ quyền chi phối tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục 02 Điều lệ này.

2. Bưu điện Việt Nam là Chủ sở hữu phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại các công ty nêu ở Khoản 1 Điều này. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với phần vốn Bưu điện Việt Nam đầu tư vào các công ty này.

3. Quyền và nghĩa vụ của Bưu điện Việt Nam đối với công ty bị chi phối được quy định tại Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Bưu điện Việt Nam đầu tư tại công ty; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn mà Bưu điện Việt Nam đã góp vào công ty.

b) Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước, kết quả kinh doanh của công ty.

d) Giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của công ty, trừ trường hợp Điều lệ của công ty có quy định khác:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của công ty.

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

- Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử để bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) công ty.

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của công ty; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm.

- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn Nhà nước tại công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của công ty; việc tiếp nhận công ty tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết của công ty.

- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty; chủ trương vay nợ nước ngoài của công ty.

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm.

- Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của công ty.

đ) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại công ty; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Bưu điện Việt Nam có quyền chi phối các công ty bị chi phối thông qua Người đại diện phần vốn ở các công ty bị chi phối phù hợp với Điều lệ công ty, Điều lệ này hoặc thoả thuận với các công ty bị chi phối về các vấn đề sau:

a) Định hướng lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển mạng lưới, phát triển dịch vụ; tổ chức phối hợp thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng bưu chính.

b) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước.

c) Sử dụng thương hiệu chung của Bưu điện Việt Nam trong kinh doanh.

d) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích Nhà nước giao.

Điều 45. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty do Bưu điện Việt Nam nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ là công ty liên kết của Bưu điện Việt Nam, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó. Danh sách các công ty liên kết của Bưu điện Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục 02 Điều lệ này.

2. Bưu điện Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của công ty liên kết, thỏa thuận liên kết và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Bưu điện Việt Nam đầu tư tại công ty; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn mà Bưu điện Việt Nam đã góp vào công ty.

b) Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại công ty; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của công ty.

d) Bưu điện Việt Nam giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của công ty.

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

- Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử để bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) công ty.

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của công ty.

- Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty.

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của công ty.

đ) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Bưu điện Việt Nam tại công ty theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý Người đại diện của Bưu điện Việt Nam.

3. Bưu điện Việt Nam quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Điều 46. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với công ty tự nguyện tham gia liên kết với Bưu điện Việt Nam

1. Tất cả các loại hình công ty thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và ở nước ngoài có thể tự nguyện tham gia liên kết với Bưu điện Việt Nam theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là công ty tự nguyện liên kết). Công ty tự nguyện liên kết không có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam, được thành lập, tổ

chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Bưu điện Việt Nam và doanh nghiệp thành viên của Bưu điện Việt Nam theo thoả thuận liên kết giữa công ty đó với Bưu điện Việt Nam.

3. Bưu điện Việt Nam quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua các thoả thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Bưu điện Việt Nam trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 47. Quan hệ giữa Bưu điện Việt Nam với công ty con ở nước ngoài

1. Các công ty con của Bưu điện Việt Nam ở nước ngoài bao gồm các công ty mà Bưu điện Việt Nam nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật nước sở tại và Điều lệ công ty đủ để Bưu điện Việt Nam có quyền chi phối đối với công ty; được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước sở tại và Điều lệ công ty.

2. Bưu điện Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông hoặc bên góp vốn chi phối đối với công ty theo quy định của pháp luật nước sở tại, các điều ước quốc tế, các hiệp định ký kết giữa Chính phủ nước sở tại và Chính phủ Việt Nam và Điều lệ công ty.

3. Bưu điện Việt Nam thực hiện quyền chi phối công ty con ở nước ngoài thông qua các thoả thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Bưu điện Việt Nam trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Mục 3

QUẢN LÝ VỐN DO BƯU ĐIỆN VIỆT NAM ĐẦU TƯ Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Vốn do Bưu điện Việt Nam đầu tư ở doanh nghiệp khác

Vốn do Bưu điện Việt Nam đầu tư ở doanh nghiệp khác là các loại vốn dưới đây:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Bưu điện Việt Nam được Bưu điện Việt Nam đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

2. Vốn do đại diện chủ sở hữu đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho Bưu điện Việt Nam quản lý.

3. Giá trị cổ phần hoặc vốn nhà nước đầu tư tại các công ty nhà nước thuộc Bưu điện Việt Nam đã cổ phần hoá, hoặc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. Vốn do Bưu điện Việt Nam vay để đầu tư.

5. Lợi tức được chia do Nhà nước hoặc Bưu điện Việt Nam đầu tư, góp vốn ở doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư vào doanh nghiệp đó.

6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Bưu điện Việt Nam trong việc quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác

1. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam thực hiện các quyền, nghĩa vụ: của Chủ sở hữu đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của đồng sở hữu nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; của đồng sở hữu không nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với các công ty liên kết phù hợp với quy định của pháp luật đối với các công ty đó.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bưu điện Việt Nam trong quản lý vốn Nhà nước đầu tư ở doanh nghiệp khác do Chủ tịch Bưu điện Việt Nam thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung dưới đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

b) Quyết định:

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên các công ty con do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ; cử, thay đổi, bãi miễn Người đại diện theo ủy quyền, đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam; giới thiệu Người đại diện ứng cử vào Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các công ty có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam phù hợp với Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài.

- Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp trách nhiệm đối với Kiểm soát viên, Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của các công ty con do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ, các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Bưu điện Việt Nam và các công ty liên kết.

- Quyết định phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với Người đại diện phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam tại các công ty có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam:

- Định hướng công ty thực hiện mục tiêu do Bưu điện Việt Nam giao và kế hoạch phối hợp kinh doanh của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác về công ty có vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam để xin ý kiến chỉ đạo trước khi biểu quyết.

- Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp, thị trường, bí quyết công nghệ để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Bưu điện Việt Nam.

d) Giải quyết những kiến nghị của Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam ở doanh nghiệp khác.

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở doanh nghiệp khác. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do Bưu điện Việt Nam quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của Bưu điện Việt Nam. Trường hợp tổ chức lại Bưu điện Việt Nam thì việc quản lý phần vốn góp này được thực hiện theo quy định của đại diện chủ sở hữu.

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Bưu điện Việt Nam và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam ở doanh nghiệp khác

1. Người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và là người của Bưu điện Việt Nam.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ đảm đương nhiệm vụ, có đủ năng lực hành vi dân sự.

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp đó, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn tại liên doanh với nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.

đ) Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc công ty có vốn đầu tư của Bưu điện Việt Nam mà người đó được giao làm đại diện phần vốn góp.

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn của Bưu điện Việt Nam mà người đó được cử trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần được mua ưu đãi khi cổ phần hoá doanh nghiệp.

2. Người đại diện được giao quản lý trực tiếp phần vốn góp tại doanh nghiệp khác tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam phải có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp đó.

Điều 51. Quyền của Bưu điện Việt Nam với Người đại diện

1. Cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam; giới thiệu Người đại diện ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được giao quản lý trực tiếp phần vốn góp.

2. Quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Người đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nhà nước, của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong công ty có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử Người đại diện của Bưu điện Việt Nam vào các chức danh quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam theo Điều lệ của doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của Bưu điện Việt Nam.

3. Thực hiện chế độ báo cáo Bưu điện Việt Nam về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

4. Xin ý kiến Bưu điện Việt Nam trước khi biểu quyết tại đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam về: chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm; nhân sự chủ chốt; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản; huy động vốn có giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn.

5. Trường hợp nhiều người cùng đại diện của Bưu điện Việt Nam tham gia vào Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị ở doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam thì người có trách nhiệm chính do Bưu điện Việt Nam chỉ định phải chủ trì cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp có vốn góp của Bưu điện Việt Nam trước khi biểu quyết.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Bưu điện Việt Nam về hiệu quả sử dụng vốn góp của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp mà mình được cử làm đại diện.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp đó và nhiệm vụ Bưu điện Việt Nam giao.

Điều 53. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động trong doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng

và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp Người đại diện do Bưu điện Việt Nam chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp Người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn của Bưu điện Việt Nam góp vào doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác thực hiện theo quy định của Bưu điện Việt Nam.

Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì Người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho Bưu điện Việt Nam.

3. Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Bưu điện Việt Nam. Bưu điện Việt Nam quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Bưu điện Việt Nam.

Trường hợp Người đại diện được cử làm đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại nhiều doanh nghiệp, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 doanh nghiệp. Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho Bưu điện Việt Nam.

Trường hợp Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác và phải chuyển nhượng lại cho Bưu điện Việt Nam số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi chênh lệch vượt quá mức được mua theo quy định trên theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện phần vốn của Bưu điện Việt Nam tại doanh nghiệp khác đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Bưu điện Việt Nam phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

Chương VI

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 54. Điều chỉnh vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế của Bưu điện Việt Nam, lợi nhuận sau thuế của các công ty con do Bưu điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ và lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Bưu điện Việt Nam.

b) Vốn do đại diện chủ sở hữu đầu tư bổ sung cho Bưu điện Việt Nam.

c) Đại diện chủ sở hữu giao, uỷ quyền cho Bưu điện Việt Nam thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của một doanh nghiệp khác tham gia làm công ty con hoặc công ty liên kết của Bưu điện Việt Nam.

d) Vốn điều lệ tăng từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Bưu điện Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định.

3. Trong trường hợp tăng vốn điều lệ, Bưu điện Việt Nam phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

4. Đại diện chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Bưu điện Việt Nam thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn của Bưu điện Việt Nam cho các tổ chức, cá nhân khác.

5. Đối với vốn nhà nước mà đại diện chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Bưu điện Việt Nam thì đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết.

Điều 55. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Bưu điện Việt Nam

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Bưu điện Việt Nam thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Bưu điện Việt Nam và quy định của pháp luật.

2. Quy chế quản lý tài chính của Bưu điện Việt Nam được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật và đặc thù về cơ cấu tổ chức quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Bưu điện Việt Nam.

Điều 56. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê

1. Năm tài chính của Bưu điện Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Trong quý IV hàng năm, Tổng giám đốc trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm sau kế tiếp của Bưu điện Việt Nam.

3. Trong thời hạn 60 ngày sau khi kết thúc quý II, Tổng giám đốc trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam báo cáo giữa niên độ; trong thời hạn 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc trình Chủ tịch Bưu điện Việt Nam phê duyệt báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, gồm:

a) Báo cáo tài chính năm của Bưu điện Việt Nam.

b) Báo cáo tài chính năm của các công ty con do Bưu điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông chấp thuận, Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có nhiệm vụ phê duyệt các báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ, thực hiện việc công bố, công khai báo cáo tài

chính hàng năm của Bưu điện Việt Nam, của các công ty con do Bưu điện Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính.

5. Bưu điện Việt Nam phải thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

6. Bưu điện Việt Nam phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, ĐA DẠNG HÓA SỞ HỮU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 57. Tổ chức lại Bưu điện Việt Nam

1. Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại Bưu điện Việt Nam sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.

2. Trình tự, thủ tục sắp xếp, tổ chức lại Bưu điện Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Đa dạng hoá sở hữu Bưu điện Việt Nam

1. Bưu điện Việt Nam thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý trong trường hợp đại diện chủ sở hữu quyết định cổ phần hoá, bán một phần hoặc toàn bộ Bưu điện Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi Bưu điện Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 59. Giải thể Bưu điện Việt Nam

1. Bưu điện Việt Nam bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước, đại diện chủ sở hữu quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

c) Việc tiếp tục duy trì Bưu điện Việt Nam là không cần thiết.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Bưu điện Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Phá sản Bưu điện Việt Nam

Trường hợp Bưu điện Việt Nam lâm vào tình trạng phá sản thì xử lý theo quy định của Luật phá sản.

Chương VIII

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Điều 61. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Bưu điện Việt Nam

1. Định kỳ hàng quý, năm, Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm gửi các cơ quan nhà nước có liên quan các báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất, đại diện chủ sở hữu, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức được đại diện chủ sở hữu ủy quyền có quyền yêu cầu (bằng văn bản) Bưu điện Việt Nam cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền quản lý nhà nước và quyền của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Ngoài việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ, viên chức quản lý của Bưu điện Việt Nam cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Bưu điện Việt Nam.

4. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Bưu điện Việt Nam theo quy định của Bưu điện Việt Nam và của pháp luật.

5. Người lao động trong Bưu điện Việt Nam có quyền tìm hiểu thông tin về Bưu điện Việt Nam thông qua Đại hội công nhân viên chức và Thanh tra nhân dân.

Điều 62. Công khai thông tin

1. Chủ tịch và Tổng Giám đốc Bưu điện Việt Nam là người quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra ngoài Bưu điện Việt Nam theo quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ này. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các Ban và bộ phận lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Bưu điện Việt Nam chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quy định của Bưu điện Việt Nam và quy định của pháp luật.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của Bưu điện Việt Nam và của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc Bưu điện Việt Nam là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Bưu điện Việt Nam được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc hoà giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc hòa giải không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 64. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Chủ tịch Bưu điện Việt Nam có quyền kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ này.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Bưu điện Việt Nam. Các cá nhân, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con của Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định phê duyệt Điều lệ có hiệu lực thi hành.

3. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con của Bưu điện Việt Nam căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con của Bưu điện Việt Nam không được trái với Điều lệ này./.

BỘ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Bắc Son

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Bưu điện tỉnh An Giang.
2. Bưu điện tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
3. Bưu điện tỉnh Bạc Liêu.
4. Bưu điện tỉnh Bắc Giang.
5. Bưu điện tỉnh Bắc Kạn.
6. Bưu điện tỉnh Bắc Ninh.
7. Bưu điện tỉnh Bến Tre.
8. Bưu điện tỉnh Bình Dương.
9. Bưu điện tỉnh Bình Định.
10. Bưu điện tỉnh Bình Phước.
11. Bưu điện tỉnh Bình Thuận.
12. Bưu điện tỉnh Cà Mau.
13. Bưu điện tỉnh Cao Bằng.
14. Bưu điện thành phố Cần Thơ.
15. Bưu điện thành phố Đà Nẵng.
16. Bưu điện tỉnh Đắk Lắk.
17. Bưu điện tỉnh Đắk Nông.
18. Bưu điện tỉnh Đồng Nai.
19. Bưu điện tỉnh Đồng Tháp.
20. Bưu điện tỉnh Điện Biên.
21. Bưu điện tỉnh Gia Lai.
22. Bưu điện tỉnh Hà Giang.
23. Bưu điện tỉnh Hà Nam.
24. Bưu điện thành phố Hà Nội.
25. Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh.
26. Bưu điện tỉnh Hải Dương.
27. Bưu điện thành phố Hải Phòng.
28. Bưu điện tỉnh Hậu Giang.
29. Bưu điện tỉnh Hoà Bình.
30. Bưu điện tỉnh Hưng Yên.
31. Bưu điện thành phố Hồ Chí Minh.

32. Bưu điện tỉnh Khánh Hoà.
33. Bưu điện tỉnh Kiên Giang.
34. Bưu điện tỉnh Kom Tum.
35. Bưu điện tỉnh Lạng Sơn.
36. Bưu điện tỉnh Lào Cai.
37. Bưu điện tỉnh Lâm Đồng.
38. Bưu điện tỉnh Lai Châu.
39. Bưu điện tỉnh Long An.
40. Bưu điện tỉnh Nam Định.
41. Bưu điện tỉnh Nghệ An.
42. Bưu điện tỉnh Ninh Bình.
43. Bưu điện tỉnh Ninh Thuận.
44. Bưu điện tỉnh Phú Thọ.
45. Bưu điện tỉnh Phú Yên.
46. Bưu điện tỉnh Quảng Bình.
47. Bưu điện tỉnh Quảng Nam.
48. Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi.
49. Bưu điện tỉnh Quảng Ninh.
50. Bưu điện tỉnh Quảng Trị.
51. Bưu điện tỉnh Sóc Trăng.
52. Bưu điện tỉnh Sơn La.
53. Bưu điện tỉnh Tây Ninh.
54. Bưu điện tỉnh Thái Bình.
55. Bưu điện tỉnh Thái Nguyên.
56. Bưu điện tỉnh Thanh Hoá.
57. Bưu điện tỉnh Thừa Thiên Huế.
58. Bưu điện tỉnh Tiền Giang.
59. Bưu điện tỉnh Trà Vinh.
60. Bưu điện tỉnh Tuyên Quang.
61. Bưu điện tỉnh Vĩnh Long.
62. Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc.
63. Bưu điện tỉnh Yên Bái.
64. Công ty Phát hành báo chí Trung ương.

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. Các công ty do Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ:

1. Công ty TNHH một thành viên Tem Bưu chính.
2. Công ty TNHH một thành viên In tem Bưu Điện.

II. Các công ty do Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

1. Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu Điện.
2. Công ty cổ phần Du lịch Bưu Điện.

III. Các công ty do Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ:

1. Công ty TNHH hai thành viên Chuyển phát nhanh DHL-VNPT.
2. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện.
3. Công ty cổ phần Truyền thông và Quảng cáo Bưu chính.
4. Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện.
5. Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế VNPT.
6. Công ty cổ phần quản lý và khai thác Tòa nhà VNPT.
7. Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại Hà Tĩnh.
8. Công ty cổ phần công nghệ công nghiệp Bưu chính Viễn thông.
9. Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên việt.